TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/DS-ST
Ngày: 16/8/2017
V/v: "*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:(6)

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Minh Ngọc

2. Bà Nguyễn Thị Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy – Thư ký Tòa án.

Hôm nay, ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại Phòng xét xử Toà án nhân dân huyện Núi Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2017/TLST-DS ngày 19/4/2017 về "*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng vay tài sản* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2017/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T, địa chỉ: tầng 1-7, tòa nhà Đ, phố Đ, phường Đ, quận K, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hiền T, chức vụ: Trưởng phòng Thu hồi nợ pháp lý (văn bản ủy quyền số 06/2017/UQ-CT ngày 08/02/2017).

Ông T ủy quyền lại cho chị Hồ Thị Bích H, sinh năm 1992, địa chỉ: 77 T, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thu H1, sinh năm 1968, trú tại: Thôn X, xã A huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị H trình bày: Ngày 29/7/2014 bà Huỳnh Thị Thu H1 có vay của Ngân hàng T số tiền 21.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân. Thời hạn vay 19 tháng, mỗi tháng trả cho ngân hàng số tiền 1.680.065 đồng, tháng cuối cùng trả 1.680.070 đồng cả gốc lẫn lãi. Thanh toán vào ngày 7 hàng tháng, bắy đầu từ ngày 07/9/2014. Bà H1 đã trả cho ngân hàng được số tiền 14.440.260 đồng

trong 8 tháng. Kể từ 29/11/2015 bà H1 không thanh toán thêm bất cứ khoản nào nữa dù ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Do vậy nay bà H1 còn nợ lại ngân hàng số tiền 17.480.980 đồng, bao gồm gốc 13.915.575 đồng và lãi là 3.565.405 đồng. Do hoàn cảnh bà H1 khó khăn, nếu hòa giải được ngân hàng chúng tôi đồng ý không yêu cầu bà H1 trả số tiền lãi là 3.565.405 đồng, chỉ yêu cầu bà H1 trả số tiền gốc là 13.915.575 đồng. Tuy nhiên do bà H1 không có khả năng trả nợ để hòa giải nên ngân hàng chúng tôi yêu cầu bà H1 trả toàn bộ nợ gốc và lãi tổng cộng 17.480.980 đồng.

Bị đơn bà H1 trình bày: Tôi thống nhất có vay của ngân hàng TMCP T số tiền 21.000.000 đồng như đại diện nguyên đơn trình bày. Tôi đã trả được cho ngân hàng số tiền 14.440.260 đồng trong 8 tháng. Sau vì lý do nhà bị cháy, hoàn cảnh quá khó khăn nên tôi không thanh toán được cho ngân hàng nên số tiền nợ gốc và lãi còn lại là 17.480.980 đồng, bao gồm gốc 13.915.575 đồng và lãi là 3.565.405 đồng. Nay ngân hàng khởi kiện tôi đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị Ngân hàng cho tôi trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết số nợ gốc 13.915.575 đồng, còn tiền lãi yêu cầu không tính do hoàn cảnh tôi quá khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 29/7/2014 bà H1 và Ngân hàng TMCP T có giao kết hợp đồng tín dụng với nội dung ngân hàng T cho bà H1 vay số tiền 21.000.000 đồng với lãi xuất 4,595%/tháng. Bà H1 có trách nhiệm trả gốc và lãi trong vòng 19 tháng, mỗi tháng 1.680.240 đồng, riêng tháng thứ 19 trả 1.680.070 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H1 đã trả cho ngân hàng T số tiền 14.440.260 đồng, còn nợ lại số tiền 17.480.980 đồng gồm 13.915.575 đồng nợ gốc và lãi 3.565.405 đồng. Đây là nội dung được các bên thừa nhận theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà H1 không trả nợ theo thỏa thuận là đã vi phạm hợp đồng giao kết giữa hai bên và quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc ngân hàng T khởi kiện bà H1 yêu cầu trả toàn bộ nợ gốc và lãi 17.480.980 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bà H1 trình bày hoàn cảnh kinh tế khó khăn và đề nghị Ngân hàng chỉ thu nợ gốc 13.915.575 đồng, không tính số tiền lãi 3.565.405 đồng. Tuy nhiên đại diện Ngân hàng T không đồng ý với đề nghị của bà H1 nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hiền phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T về việc " Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng vay tài sản" với bà Huỳnh Thị Thu 1

Buộc bà Huỳnh Thị Thu H1 trả cho Ngân hàng TMCP T số nợ gốc 13.915.575 đồng (*mười ba triệu chín trăm mười lăm nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng*) nợ gốc và lãi 3.565.405 đồng (*ba triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm lẻ năm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí dân sự sơ thẩm 874.049 đồng (*tám trăm bảy mươi tư nghìn không trăm bốn mươi chín đồng*) bà H1 phải nộp. Xét miễn cho bà H1 toàn bộ số tiền án phí do thuộc hộ nghèo.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí 430.000 đồng (*bốn trăm ba mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001335 ngày 19/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, để xin Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Trần Thị Sơn

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Núi Thành;*
- *THA huyện Núi Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Hội đồng xét xử

Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân **Dương Minh Ngọc** **Trần Thị Sơn**

Nơi nhận:
+ TAND tỉnh Quảng Nam
+ VKSND tỉnh, huyện
+ Cơ quan thi hành án
+ Các đương sự
+ Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HộI ĐồNG XéT Xử SƠ THẩM
THẩM PHáN - CHủ TọA PHIÊN TòA

Nguyễn Nho Hoàng